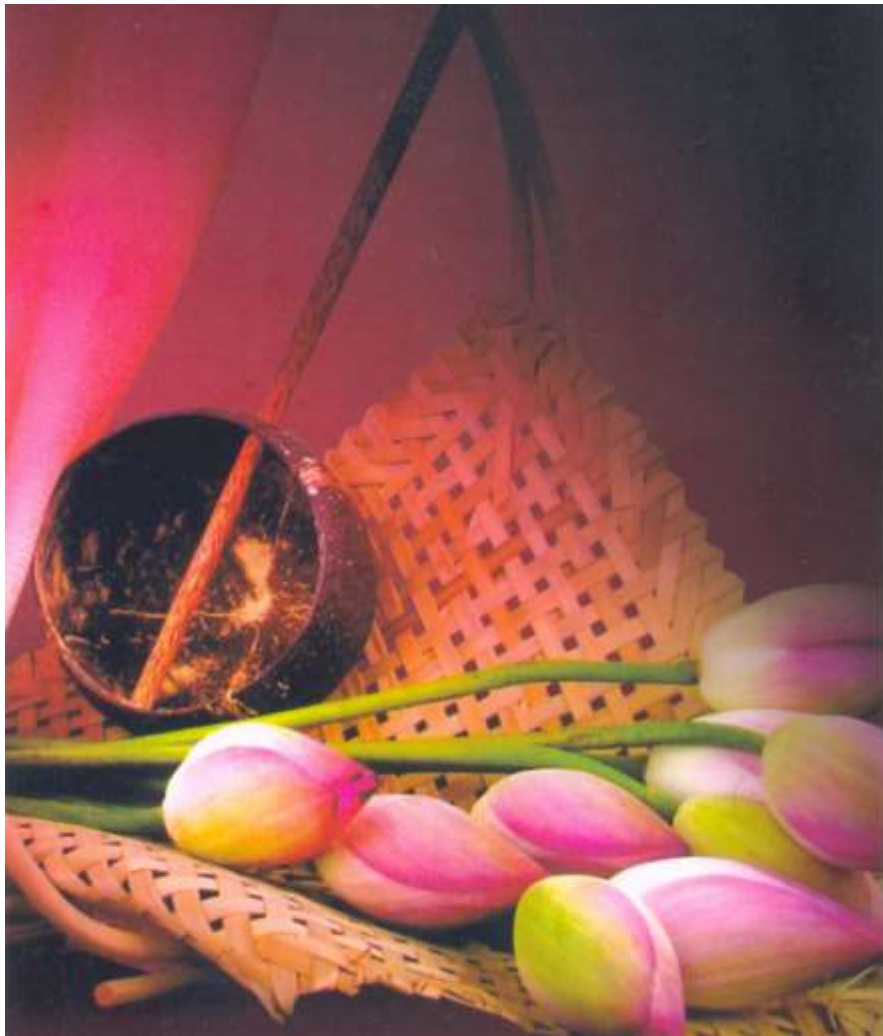


VĂN HOÁ DÂN GIAN

đất Quảng



HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN ĐÀ NẴNG



trò chơi đập om

Ảnh: Huy Đăng



thi nấu cơm

Ảnh: Huy Đăng

CÂY ĐÀN NHỊ TRONG CÂU HÁT HUÊ TÌNH

PHƯỚC NINH

Đàn nhị, trong dân gian, thường gọi là đàn cò. một nhạc cụ có cung vĩ, và còn có tên là *hồ cầm*, Hồ cầm là một loại đàn nhị có âm vực thấp, giọng trầm.

Đây là một nhạc cụ dân gian có tự rất xa đời. Đối với cây đàn nhị, mặc dầu không bước ra từ truyền thuyết. Tuy nhiên, hình người chơi đàn nhị được khắc chạm tinh xảo trên cột đá chùa Phật Tích ở Hà Bắc, dưới thời Lý, là một bằng chứng thuyết phục về sự có mặt rất xa xưa của cây đàn dân tộc truyền thống này.

HÌNH ẢNH CÂY ĐÀN NHỊ TRONG CÂU HUÊ TÌNH

Nếu như cây đàn sắt và cây đàn cầm thường được các nhà nho sử dụng trong thơ ca theo điển tích, để nói về tình nghĩa tơ duyên “*sắt cầm hảo hiệp*” thì đối với cây đàn nhị, được ông cha ta vận dụng để tỏ bày duyên sánh đôi khăn khít bên nhau:

*Tại qua trời định đất đưa
Duyên chàng nợ thiếp lại vừa gặp nhau
Nghĩa nào bằng nghĩa cao dày
Dẫu cho khô cực dạ đây chẳng sờn*

*Lời nguyện dưới thủy trên sơn
Lòng ta khẩn khẩn như đàn hai dây
Hai mái tóc em tua giữ lấy
Một chương thê anh hãy tạc ghi
Mặc ai đem bạc đổi chì
Tử sanh một kiếp y kỳ với nhau*

Lời hát nhẹ nhàng, đôi đàn e dè ướm hỏi, xung hô. Mượn ý tứ bậc cung của cây đàn nhị. Không biết tiếng đàn vẫn còn một bậc, hay là đã lên dây hoà điệu? Xin chàng tỏ rõ thiệt lòng, để thiếp trao duyên, gởi phận:

*Một phen từ gặp mặt
Trăm năm luống chạnh lòng
Buông lời dám hỏi quân hồng
Đàn còn một bậc, hay lên đồng hai dây?
Chón vân trương gặp hội rồng mây
Xin lòng tỏ thiệt sẽ vầy nợ duyên.*

Sự trả lời của chàng trai vừa khiêm tốn, tế nhị, vừa khéo léo giới thiệu thân thế sở học. Quyết tâm theo cửa Không sân Trình. Vận dụng điển tích Bá Nha - Tử Kỳ để tương âm, tương đắc buổi kỳ ngộ giao duyên. Xin được bắc nhịp cầu ô thước:

*Dạ dóc sân Trình đập tuyệt
Chí mơ cửa Không sôi kinh
Bá Nha còn đợi khách tri âm
Đàn còn một bậc, sắt cầm lẻ dây
Vân trường gặp hội rồng mây
Cầu ô bắc nhịp, xin vầy nợ duyên*

Một khi đã gắn bó tác giao, xin cho loan phượng tựa kê. Dù ngăn sông cách núi, mù mịt sơn khê, vẫn giữ lời thệ hải minh sơn, và lòng khẩn khẩn như cây đàn hai dây mãi mãi bên nhau đồng điệu:

Một lời gắn bó tác giao

*Làm sao loan phượng cùng đầu giao má kẻ
Ví dầu cách trở sơn khê
Cũng nguyên giữ trọn một bề ái ân
Quyết lời thệ hải minh sơn
Lòng ta khẩn khẩn như đàn hai dây.*

Người thực nữ ví phận mình thân mỏng, khen tặng phước đức chàng trai thì dày, sợ e tơ duyên biết dài hay vắn? Nàng ghĩ rằng phận bạc, lòng còn phân vân *dùn - thẳng*, như dây đàn, hay dây tơ hồng chưa dám, biết có nên chăng:

*Nghĩ thân này rất mỏng
Xem phước đó thời dày
Phận má đào khỏi rủi là may
Duyên tơ đó biết dài hay vắn
Xét phận bạc nên còn *dùn thẳng*
Cảm tình thâm dày nổi nói năng
Thân này biết có nên chăng
Sợ e mang tiếng bất bằng cùng nhau*

Sự tái dụng ngữ nghĩa mang ý tương hợp của đức tính *khẩn khẩn*. Chàng trai khuyên nàng chớ nên u hoài, buồn bã. Và bây giờ, tính *khẩn khẩn* ấy lại trở thành ý nghĩa minh xác. Sự lặp lại cố ý, cũng là nội tâm chủ thể:

*Xin chớ có gieo tiếng nặng
Nàng đừng ưu lụy lòng đau
Giữ lời thệ hải cùng nhau
Lòng ta khẩn khẩn như đàn hai dây*

Đưa điển tích vào câu hát, phải biết cách vận dụng hợp tình, hợp cảnh. Khi đã tỏ rõ lòng nhau, hãy xin keo sơn gắn bó. Một hàm ý xa vắng liên tưởng đặc tính nhựa thông trên mặt bít da của bộ phận phát âm tiếng đàn nhị. *Tình nghĩa đá vàng - biết tuổi vàng*. Dốc lòng kết tóc, trăm năm đợi chờ:

Mấy lời ghi chú đình ninh

*Khiến đây lại nhớ câu Bình Nguyên Quân
Nay đà tỏ rõ nguồn cơn
Trăm năm xin gắn keo sơn đá vàng
Hữu tình ta lại gặp ta
Thấy hoa chẳng bẽ, thời hoa lụi tàn
Đã đá vàng, biết tuổi vàng
Tình còn thắm thiết, dạ càng ngán ngơ
Hai dây hoà nhịp xe tơ
Trăm năm cũng đợi cũng chờ duyên ai*

Đêm trướng liễu trần trọc nổi nhớ người tình. Thao thức giọt lệ thấm khăn tràn mộng ước. Cứ tưởng như đang cùng chung gói bên nhau. Chàng ơi! Hãy nghiêng tai để thiệp ngõ đôi lời. Câu vàng đá trí tri. Đòn hai dây y kỳ tương ngộ:

*Đêm năm trướng liễu mơ màng
Chạnh lòng nhớ bạn nước mắt tràn đầy khăn
Chàng nghiêng tai thiệp tỏ đạo hằng
Chàng lánh bàn Trang Tử
Thiếp chực phòng Vương Nghi
Nguyện cùng nhau vàng đá trí tri
Đàn tình giữ trọn y kỳ hai dây.*

Các vị có chút ít chữ nghĩa thánh hiền, thường mượn câu đề bài bản văn sách, để làm vế xuất cho lời hát. Cách ứng xử không những nhạy bén, mà còn phải khéo léo dịch nghĩa theo lối luận vận, sát ý. Bởi người hát, thường là dân quê chơn chất. Tràn hát không phải chỉ giành riêng cho các nho sinh, giai nhân tài tử. Vì thế, câu mở chữ nghĩa, thì phải diễn dịch sát sao:

*Bĩ hữu tình, ngã diệc hữu tình
Đó còn nhớ nghĩa, hướng chi mình quên ơn*

Ai đâu tính thiệt so hơn

Lòng dây khấn khấn như đàn hai dây.

Vì sao ông cha ta không đưa tiếng đàn bầu vào trong câu hát giao duyên. Bởi một lẽ rất giản đơn. Mặc dầu âm thanh của cây đàn độc huyền cầm cũng náo nuột, mơ hồ. Tuy nhiên, nó chỉ có một dây đơn chiếc. Là hình tượng của cô đơn, lẻ bạn. Nỗi bi ai tự thân vẫn nội tâm riêng của chủ thể.

Tuy nhiên, với hàm súc “*khấn khấn như đàn hai dây*”, sự vận dụng đưa vào hát huê tình, quả là một cách sáng tạo vô cùng thú vị, hết sức tài tình của ông cha ta. Điều này rất hiếm thấy. Có thể còn lẫn khuất đâu đó trong kho tàng văn học dân gian.

Chừng nào cho đó với đây

Đàn kia một bậc, hai dây tương phùng.

Câu ca huê tình là những viên ngọc quý giá. Đi rìm những viên ngọc quý giá ấy, là một phần trong sự bảo tồn văn hoá phi vật thể, gìn giữ văn học dân gian đất Việt lập lánh muôn đời.



Gốc cây

TÀM TANG XỨ QUẢNG QUA CA DAO ĐỊA PHƯƠNG

NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG

Làng nghề trồng dâu nuôi tằm dệt lụa hay còn gọi là nghề tầm tang xứ Quảng đã có từ lâu đời dưới thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào thế kỷ XVI – VXI cách đây trên bốn trăm năm.

Nghề tầm tang của Đàng Trong Đại Việt trong những thế kỷ trước ở Quảng Nam dinh, một mặt thừa hưởng những kinh nghiệm truyền thống cha ông của nhân dân Đàng Ngoài di dân lập nghiệp ở phương nam, ngoài ra còn học hỏi những kiến thức trong lĩnh vực này của người Chiêm Thành và cả kỹ thuật cụ thể của người Minh Hương là người Hoa nhập vào cộng đồng người Việt, nên đã trở thành một nghề truyền thống nổi tiếng trong canh tác nông nghiệp.

Đặc biệt, dọc hai bên bờ sông Thu Bồn - Chợ Củi và sông Vu Gia chảy qua các huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc ... đã ra đời những làng xã những vùng lớn trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa nổi tiếng.

Ngay từ giữa thế kỷ XVI, sách Ô Châu cận lục do Dương Văn An nhuận sắc và thành tập, khắc in những năm 1553, đã cho thấy phủ Điện Bàn là một vùng đất phì nhiêu và nghề tầm tang rất phát triển. Dương Văn An đã viết “*Đất đai màu mỡ, được lúa chẳng cần khó nhọc ... Xuân sang mở hội đua bơi, lụa là chen chúc*” và “*Vườn Mọc Xuyên trồng lằm hoa hồng, người Lang Châu dệt nhiều lụa trắng*”.

Giáo sĩ Cristoforo Bouri đã sống ở Quảng Nam dinh trong những năm 1618 – 1622 đã tận mắt nhìn thấy vùng đất này tơ tằm được sản xuất dồi dào, không những thảo mãn nhu cầu của nội địa mà còn xuất khẩu rất nhiều ra nước ngoài, nên đã viết trong “ký sự Đàng Trong” của mình in năm 1631 rằng: “ Người Đàng Trong không những cung cấp tơ cho nhu cầu của họ mà còn cung ứng cho Nhật Bản và đưa sang Vương quốc Lào để từ đó người ta lại chuyển sang Tây Tạng, bởi lẽ loại tơ này không nhỏ và mịn như loại tơ của Trung Quốc nhưng bền chắc”

Nhìn thấy tận mắt những cánh đồng dâu xanh mượt chạy tít đến chân trời, giáo sĩ Alexandre de Rhodes, từng đến Quảng Nam dinh trong những năm 1624 – 1627 cũng đã ghi lại trong cuốn nhật ký của mình “ Hành trình và Truyền giáo” in năm 1651 những nhận xét sau: “Ở Đàng Trong trong nhiều tơ lụa đến nỗi còn dùng để đan lưới và bện dây thuyền”

Những ý kiến của các giáo sĩ phương Tây nói trên cho thấy nguồn tơ tằm xứ Quảng trong những thế kỷ trước thật dồi dào và có chất lượng cao, và nghề tằm tang xứ Quảng chỉ bị suy thoái ít nhiều trong hai cuộc chiến tranh chống ngoại xâm kể từ năm 1946.

Ngay Lê Quý Đôn cũng đánh giá sự phát triển của nghề tằm tang xứ Quảng, của Đàng Trong trong những thế kỷ XVI – XVIII và đã viết trong sách “Phủ biên tạp lục”, khắc in năm 1776 như sau: “người phủ Thăng phủ Điện dệt được các loại the đoạn, lụa là hoa màu chẳng kém gì Quảng Đông” và “ở Quảng Nam, lụa thuế chỉ lấy ở hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn. Phủ Điện Bàn, huyện Phú Châu nộp thuế hai ngàn ba trăm năm mươi tấm... Lụa mà Đoan Quận Công (tức Chúa Tiên Nguyễn Hoàng về sau này) trước đây đã lấy cống phú thì rộng một thước, dài ba mươi thước, dày ba mươi thước, dày như mằm sợi”

Vào thời kỳ đó, ở Đàng Trong, ở xứ Quảng đã sản xuất nhiều mặt hàng tơ lụa khác nhau được bán ra trên thị trường: lượt là loại lụa trơn và thưa; sa là lụa mỏng và trơn; the là loại lụa nhẹ và sáng; xuyên là loại lụa dày màu sáng; nhiều là loại lụa trơn, dày và nhuộm đen; đoạn là loại lãnh nhưng chất lượng tốt hơn; văn là loại lụa có hình hoa có chất lượng; gấm là loại lụa cao cấp; là là loại lụa dệt từ tơ nồn và có những đường sọc đều nhau theo chiều dài và nhuộm đen và trừu là loại lụa dệt từ sợi thô. Về sau dưới thời Pháp thuộc có thêm mặt hàng tuyết xô (tussor) là lụa dệt từ sợi xe mỏng hay dày để may âu phục.

Ở xứ Quảng, những vùng đất có nghề trồng dâu nuôi tằm dệt lụa phát triển nhất là Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc và Thăng Bình. Theo số liệu thống kê, vào năm 1960 (trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ) tỉnh Quảng Nam cũng đã sản xuất được 500.000 mét lụa, lụa vân, the, nhiều và tuyết xô.

Cho đến nay, văn nghệ dân gian vẫn còn lưu lại những dòng ca dao mới đến nghề tằm tang của những vùng đất đó.

Ở huyện Đại Lộc, dọc đôi bờ sông Vu Gia là những vườn dâu xanh tươi kéo dài thành một biển dâu xanh thăm thẳm, làm cho nghề tằm tang ở vùng đất này trở nên một bộ phận quan trọng của canh tác nông nghiệp:

Con tằm Đại lộc xe tơ,
Bãi dâu Đại Lộc lờ mờ bên sông
Nào cô buôn thị bán hồng,
Đò qua Đại Lộc tằm nong thấy thềm

Và...

Nhớ quê Đại Lộc êm đêm,
Biển dâu, nà bắp tình thêm đậm đà...

Ở vùng Đại Lộc có những làng nghề trồng dâu nuôi tằm dệt lụa lâu đời và nổi tiếng như Hà Dục (xã Đại Đồng), Phú Bò (xã Đại An), Giao Thủy (xã Đại Hoà), Quảng Đợi (xã Đại Cường)...

Ai về Hà Dục thì về,
Thấy nông tằm chín khó bề bỏ đi
Ở huyện Điện Bàn, ở dọc hai bên bờ sông Thu Bồn - Chợ
Củ cũng là những nương dâu xanh thắm chạy dài đến chân trời.

Cái làng nghề tằm tang Phú Bông (xã Điện Quang), La
Kham (xã Điện Quang), Phú Chiêm, Chà Lai, Đông Yên, Tứ Mã
(xã Điện Phương), Xuân Đài (xã Điện Quang) ... của huyện Điện
Bàn đã đi vào ca dao dân gian xứ Quảng:

Phú Bông dệt lụa dệt sa,
Kim Bông¹ thợ mộc, Ô Da² thợ rừng

Hay

Quảng Nam có lụa Phú Bông,
Có khoai lang Trà Đoã³, có sông Thu Bồn

Và

Hội An bán áo con trai,
Quế Minh⁴ bán nón, Xuân Đài bán tơ
Làng nghề tằm tang La Kham là một vùng đất có nghề trồng
giống dâu cho nhiều lá và nuôi giống tằm nhà nhiều tơ:

Ai về nhắn bạn La Khan,
Mua dâu lấy lá, ươm tằm lấy tơ

Các làng Phú Chiêm Đông, Phú Chiêm Tây, Phú Chiêm
Nam, Chi Lai, Đông Yên, Tứ Mã thuộc xã Điện Phương hiện nay
là những làng nghề tằm tang nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong
việc trồng dâu nuôi tằm và dệt lụa:

Tiếng đồn ba xã Phú Chiêm
Trồng dâu có mã, ươm tằm được tơ

Và

Chợ dệt có làng Chi Lai,

¹ Xã Cẩm Kim, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

² Xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

³ Trà Đoã: xã Bình Trị, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

⁴ Một xã của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Đông Yên, Tứ Mã gái trai biết điều

Còn con gái làng Bảo An (xã Điện Quang) cũng nổi tiếng thành thạo trong nghề canh cửi, dệt lụa, đan bức màn:

Khen cho con gái Bảo An

Ban ngày dệt lụa, tối đan màn màn

Đặc biệt vùng bãi lồi rộng lớn Gò Nổi nằm kẹp giữa sông Thu Bồn và một nhánh của sông Vu Gia, bao gồm cả ba xã Điện Quang, Điện Phong và Điện Trung, nhờ sự ưu ái của địa lý tự nhiên, đã trở thành một vùng trung tâm tầm tang từ lâu của huyện Điện Bàn, là nơi cung cấp một sản lượng tơ tầm hàng năm:

Ai về Gò Nổi quê ta,

Đồng xanh dâu biển, mỗi nhà đầy tơ

Và

Nương dâu xanh thắm quê mình,

Nắng lên Gò Nổi đượm tình thiết tha

Con tầm kéo kén cho ta

Tháng ngày cần mẫn làm ra lụa đời...

Ở huyện Duy Xuyên có nhiều là cỗ tầm tang như Mã Châu (nay thuộc xã Duy An) chuyên nghề dệt lụa trắng, làng Chiêm Sơn (quê hương của Bà Chúa tầm tang Đoàn Quý Phi, nay thuộc xã Duy Trinh), ngũ xã Trà Kiệu (Trà Kiệu Đông, Trà Kiệu Tây, Trà Kiệu Nam, Trà Kiệu Trung và Trà Kiệu Thượng nay thuộc hai xã Duy Trung và Duy Sơn). Vì vậy mà trong ca dao gian gian xứ Quảng còn lưu lại những dòng sau:

Chiêm Sơn là lụa mỹ miều

Sớm mai mắc cửi, chiều chiều tơ giăng

Hay

Lụa tơ Trà Kiệu, Mã Châu

Đã từng có tiếng dài lâu chắc bền

Và

Hội An bán gấm bán điều

Mã Châu dệt lụa, Trà Nhiêu bán hành

Và

Đất Mã Châu trồng một hàng dâu,

Tỉa hai hàng bắp, dặm sáu hàng bông

Ở huyện Thăng Bình (thuộc phủ Thăng Hoa) cũ cũng có
nhiều hàng tầm tang cổ mà nổi tiếng nhất là làng Hà Lam (nay
thuộc thị trấn Hà Lam)

Hà Lam đường mía cũng nhiều

Mùi thơm phảng phất gió chiều bay xa

Nơi đây bắp rẫy, dâu nà

Ươm tơ dệt lụa cũng là từ lâu

Ở xứ Quảng trước đây, nghề trồng dâu nuôi tầm dệt lụa như
một nghề chính trong sản xuất nông nghiệp, có mặt ở hầu hết mọi
địa phương, nhất là ở đôi bờ các con sông lớn nhỏ trong tỉnh

Ở bên ni sông kêu với bên tê sông

Tầm con mát mung, bạn hái dâu xanh đầy nong bạn về

Và

Tầm nhà chực mừng ăn ba,

Dâu gần bạn không hái, bạn hái dâu xa cho tốn tiền!

Một vấn đề mà chúng tôi muốn đề cập đến ở đây là văn học
dân gian xứ Quảng đã sử dụng các hình ảnh tầm – tơ, dâu -
tằm...như những biểu tượng về tình yêu lứa đôi năm nữ.

Đôi ta như thể con tầm

Cùng ăn một lá cùng nằm một nong

Và

Đã mang lấy cái thân tầm,

Không vương tơ cũng nằm với tơ

Đêm nằm tơ tưởng, tưởng tơ

Chiêm bao thấy bậu, dậy sờ chiếu không

Và

Tơ tầm đã vấn thì vương

Đã trót dan díu thì thương nhau cùng

Phải chăng nghề tầm tang qua hàng ngàn năm gắn chặt với đời sống của người dân Việt Nam vì vậy mà nó đã gắn liền mật thiết với sự biểu thị về quan hệ luyến ái nam nữ và tình yêu lứa đôi?

Giả đò mang giỏ hái dâu
Ghé vô thăm bậu nhúc đầu bót chưa

Và

Chiều chiều mang giỏ hái dâu
Hái dâu không hái, hái câu ân tình

Và

Một nong tầm là năm nong kén
Một nong kén là chín nén tơ,
Thương em chín đợi mười chờ...

Những đôi trai gái thương yêu nhau, ước mong sao cho tình yêu của họ bền chặt qua mọi gian truân của cuộc đời và mãi mãi thắm đượm như tấm lụa điều đỏ thắm thuở ban đầu:

Tấm lụa điều mưa mai không lọt
Nắng chiều không phai lọt gắt gay.

SẮC BÙA MỪNG XUÂN

TRẦN HỒNG

*“Sắc bùa là sắc bùa ơi,
Trông cho tới Tết ăn xôi với chè”.*

Ngày xưa, ba ngày Tết và trong những ngày vui xuân luôn có hát sắc bùa đi chúc mừng mọi nhà. Từ người lớn đến trẻ con, suốt bốn mùa lao động cực nhọc, mong đến ngày Tết để được nghỉ ngơi, vui chơi. Cái ao ước được xem hát sắc bùa trong năm mới là điều quen thuộc.

Nhà giàu cho chí nhà nghèo
Ngày ba mươi Tết thịt heo trong nhà.

Đó là chuyện tất nhiên, cũng như ba ngày Tết có hát sắc bùa là nhất định phải có. Theo từ điển, “sắc” là một lệnh ba ra, “bùa” là lá bùa đeo trong người hay dán trong nhà để hộ mệnh, trừ tà ma, tránh điều dữ. mong cho con cái, gia đình sức khoẻ làm ăn thịnh vượng. Có nơi còn gọi là “khắc bùa”. Ở Ba Tri (Bến Tre) gọi là “sức bùa”. Chưa biết rõ từ này, chờ các nhà nghiên cứu định nghĩa cho vậy. Ta chỉ biết hát sắc bùa, một hình thức vui chơi có tính nghệ thuật, có ca múa, nhạc như một sinh hoạt văn nghệ quần chúng với đầy đủ tính chất sáng tạo, kiến tạo của các nghệ nhân trong dân gian vùng nông thôn ngày xưa. Từ Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Trị Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định vào đến các tỉnh Nam bộ đều có hát sắc bùa mừng xuân, chúc Tết trong những ngày nguyên đán,

họ còn đi giao lưu với các tỉnh bạn trong ngày xuân như một đoàn nghệ thuật, giống các tổ chức nghề nghiệp văn nghệ dân gian khác như hô bài chòi, hát bã trạo, hò đua linh... ở vùng nông thôn, miền trung du hay ven sông biển ngày xưa. Hiện nay ở xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên hay huyện Đại Lộc (Quảng Nam) đã phục hồi hát sắc bùa đi mừng Xuân, chúc Tết trong những năm qua. Ở Ba Tri (Tỉnh Bến Tre) cịn giữ được một đội hát sắc bùa theo bài bản, ca, múa, nhạc rất cổ. Trước ngày Cách mạng Tháng Tám, khoảng 1940 – 1944, có gánh hát sắc bùa của ông Trịnh Thiện ở Phở An, huyện Đức Phở (Quảng Ngãi), sắm đầy đủ phục trang, đàn, kèn, trống, sinh tiền, thường kéo đi lưu diễn trong các ngày xuân khắp nơi trong tỉnh Quảng Ngãi và một vài nơi tại các tỉnh bạn như một đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp.

Một gánh hát sắc bùa thường là cha truyền con nối, lát “diễn viên”, nhạc công phần nhiều là con cháu trong nhà và một số anh em quanh làng có năng khiếu múa ca để lập đoàn, do một người đứng ra làm “Cái”, ông này có tuổi, có năng khiếu kiến tài, bày vẽ được ca, múa, sắp xếp chương trình, giao tiếp với lý, hương, chức sắc trong làng, tổng, phủ để xin được đến nơi này, nơi khác chúc tụng, hát múa sắc bùa mừng xuân. Ông này như một trưởng đoàn, kiêm luôn sáng tác ca, múa và chỉ đạo nghệ thuật đầy tài năng, đáp ứng được thị hiếu quần chúng lúc bấy giờ.

Một đội hát sắc bùa có 8 nữ, 8 nam hát, múa. Nhạc có trống, kèn, nhị, sáo, thanh la. Trống cơm và sinh tiền là nhạc gõ đặc trưng của sắc bùa. Các em “diễn viên” trẻ, độ 15, 16 tuổi, có thanh sắc, dáng đẹp, xinh tươi. Trai cắt tóc ngắn, gọn gàng, gái để tóc dài nửa lưng, có kẹp và thả hoa trên mái tóc. Đeo hoa tai, cổ mang kiềng bạc sáng loáng, cổ tay đeo vòng kim loại bằng đồng, thau, bạc hay vòng mã não... Con trai bịt khăn màu, thắt hoa hai bên tai, có tua ngũ sắc buông xuống, áo quần có viền nẹp xanh, đỏ. Chân quần xà cạp, thắt dây lưng đủ màu, thả tua bên hông dài

xuống. Tay cầm trống con, kiếm, cung, dao, giáo, mác, lồng đèn... để biểu diễn theo từng tiết mục.

Con gái chít khăn đủ màu, thắt hoa thả tua hai bên tai, áo dài đến nửa bắp vế, có thắt lưng màu hoa lý hay vàng, đỏ. Quần trắng áo dài có thêu chỉ xanh đỏ sặc sỡ, trước ngực có yếm xây, thêu hoa hình con bướm. Tay cầm lồng đèn, khi múa đèn, hoặc cầm trống con, mang trống cơm trước bụng, thường là đôi sinh tiền để múa sinh tiền và đệm nhịp.

Nhạc thường là hoà tấu các bài Ngũ điêm, Xàng xê, Xây tá, Lưu thủy, Kim tiên, Ninh bản, Bài tạ và đệm các bài dân ca, điệu lý cùng biểu diễn với diễn viên ca, múa từng tiết mục của buổi diễn.

Đội sắc bùa theo lệnh của người “cắm cái” tập hợp xếp hàng tại nơi xuất phát. Trống đánh ba hồi, nhạc nổi lên rộn rã. Đội sắc bùa đi theo người “cắm”, đến trước cổng nhà của một người chủ nào mời tới, có lệnh dừng lại.

“Con” hát bài Mở ngõ:

*-Mở ngõ, mở ngõ
Trong nhà nghe rõ
Mở ngõ cho sắc bùa vào!*

Lúc này chủ nhà đứng phía trong ngõ, khăn áo chỉnh tề bước ra mở ngõ chào rước, một người theo sau bung mâm trầu cau, rượu, bánh trái ra chào mừng. Người bắt “cắm” xướng nghiêm trang:

*Năm mới xin mở lời chào
Kính chúc chủ gia an khang trường thọ*

Con đồng thanh: *Kính chúc chủ gia an khang trường thọ (3 lần)*

Nhạc nổi lên, người cắm cái theo chủ nhà đến trước miếu Thổ thần trong vườn, cho đội sắc bùa xếp hai hàng dọc trước

miếu. Vị chủ nhà thắp hương khẩn vái theo tiếng trống đánh 3 tiếng một. Người Cái và Con hát bài “*Tại miếu Thổ thần*” (Nhạc)

Cái: *(Mà là) Máy lời (tui) tạ ông Thổ thần
Trăm quan bốn vị phò trì chủ gia*

Con: *(Mà là) Chủ gia (nay) tươm tất lòng thờ
Bông đầu phú thấy, thấy Ngài vong linh...
Ban cho gia chủ (được) Phước, Lộc an ninh lâu dài..*

Xong lễ tạ miếu Thổ thần, các đội sắc bùa theo tiếng nhạc rập ràng tiến vào đứng hai hàng trước sân. Bà con, cô bác, trẻ em chạy vào theo đứng chật cả sân hơn hờ vui cười.

Cái: *Sắc bùa là sắc bùa ta
Bà con cô bác mời ra xem sắc bùa
(Con đồng thanh theo nhạc 3 lần câu này)*

Bà con, cô bác theo thứ tự, người có vai vế trong xã hội, người già ngồi các ghế ở hàng trên và ghế dài đặt vòng quanh sân, chính giữa chừa một khoảng rộng làm chỗ diễn. Sau các hàng ghế, bà con cô bác, thanh niên nam nữ đứng phía ngoài. Các em bé được ngồi trật tự phía trước các hàng ghế, gần với chỗ biểu diễn. Khi mọi người đã an vị, chờ xem đội sắc bùa múa hát, sau khi đã làm các thủ tục đầu tiên xong.

Đây là buổi biểu diễn thật sự của đội sắc bùa.

Một hồi trống giục dồn dãn, sau 9 tiếng trống. Nhạc tấu rộn rã, nhịp nhàng, người cầm Cái dẫn đầu, Con chạy lúp xúp theo tạo thành một vòng vo, uốn lượn như con rắn dài, nam, nữ chen kẽ nhau, chạy hình tròn ốc vào trong rồi lộn vòng rộng ra ngoài, chạy xuống rồi tách ra thành hai hàng, chạy đan qua lại rồi thành hàng 3, hàng 4 lại từ từ toả ra thành vòng tròn lớn, theo tiếng sênh tiền và trống, bạn “Con” ngồi cả xuống. Người “Cái” đứng giữa xướng:

Cái: *Bớ hò con! Hò con: (Đồng thanh) Dạ! (to)*

Cái: *Cúi đầu ba vái tổ tông*

*Linh thiêng cõi thọ giúp cháu con được nhờ
Sắc bùa ca múa bây giờ*

Chúc mừng cô bác khỏi chờ đợi lâu

Con: *Sắc bùa ca múa bây giờ*

Chúc mừng cô bác khỏi chờ đợi lâu (3 lần)

Bây giờ là chương trình ca múa, văn nghệ lần lượt biểu diễn chúc Tết. Đầu tiên là điệu múa *Chúc rượu*:

Rượu ngọc, rượu ngọc thơm nước mùi hương

Chén quỳnh nâng chúc đón tân xuân

Cung chúc tỏ lòng ba kính mến

Chén rượu dân lên mừng, chén rượu dân (ừ) lên!

Các em nữ tay bưng một khay có bình rượu hình củ tỏi và vài cái ly, theo nhạc, các em vừa múa, vừa hát, các bạn trai hoà nhịp sinh tiền rộn rã. Múa hát uốn lượn thân hình mềm mại, lộn vòng các khay rượu qua người mà không đổ. Các em quỳ xuống trước mặt các ông bà hay các vị chức sắc có mặt, ông bà chủ nhà, hai tay các em nâng khay rượu khỏi trán, có 2 ly rượu rót sẵn mời các vị uống một ly rượu xuân để chúc mừng năm mới. Tiếng vỗ tay, tiếng cười vui tán thưởng đội sắc bùa. Có người bỏ tiền thưởng vào khay, gọi là ban lộc cho các em.

Xong múa "*Chúc rượu* là bài hát *Lý mừng xuân*:

Tân xuân bước tới nhà người

Trăm hoa đua nở dịu mùi ngát hương

Chúng tôi làm lễ từ đường

Trăm hoa đua nở ngát hương dịu mùi

Xong bài *Lý mừng xuân* là bài *Lý hoa thơm* hát đối đáp giao duyên giữa các nam, nữ:

Hoa thơm nở vẳng trên đèo

Kẻ chọc người khéo chẳng đặng một bông

Nam: *Ở người đứng giữa thình không*

Tự nhiên mà gặp một bông ba lài.

Mọi người theo dõi, các em gái đáp lại theo *Lý về rồng*
Vẽ rồng khôn vẽ đặng vi

Biết người biết mặt nào ai biết lòng?

Nam: *Ớ em ơi! Thương không nói thiệt cho lòng*
Chiêm bao (tình mà) anh cũng..

Câu hát bỏ lửng, nhưng ý tứ cũng rõ ràng, mọi người tán thưởng bằng những tràng vỗ tay vang dội. Nãy giờ các em bé say sưa xem múa, hát. Để đáp ứng tình cảm của các em, bài hát đồ các loài hoa, có tính vui nhộn, hài hước:

Trời làm hạn hán Xuống nước mà chìm
Nước biển mặn mòi Là hoa bông đá
Vác móng mà xoi Làm bạn với cá
Là hoa bông giếng Là hoa san hô
Hay bay hay liệng Ở Hán sang Hồ?
Là hoa chim chim Là hoa bông khách...

Các loài cá:

Cá biển cá bầy Mỗi người một cái
Cả nhà ăn rày? Là con cá hanh
Là con cá nục Hay nhảy chung quanh
Cắt ra nhiều khúc Là con cá ngựa
Là con cá chính Ăn ngày ba bữa?
Đi lại rập rình Là con cá cơm
Là con cá ve Ăn chẳng kịp đơm?
Che nón gằm nghe Là con cá hóc...
Là con cá mại

Chẳng những các em bé thích thú với điệu hát lô tô nhịp nhàng, vui nhộn, đối đáp thông minh, bất ngờ đã cuốn hút cả người lớn cùng vui theo. Các em còn nghe các bài về trái cây, về các loài chim, về nói láo, về thằng lười...

Hay về *Con gái đồng trinh*: (Nhạc) (Có một vai nữ và vài anh lính diễn như một tiểu phẩm):

*Em là con gái đồng trinh
Em đi gánh nước qua dinh ông Nghè
Ông Nghè sai lính ra ve
Em lạy ông Nghè, em đã có con
Cái má em tròn, đường tóc em ngay...*

Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng cười cứ kéo dài mãi. Qua các điệu lý, hát đối đáp, lô tô, qua phần chúc mừng của chủ nhà, nếu chủ nhà làm nghề nông hay nghề biển, nuôi tằm, hái dâu, dệt vải, hoặc chủ nhà làm nghề thợ mộc, làm thầy thuốc bắc, đi cúng, học trò... đều có bài chúc. (Có sẵn hoặc kiến tại của người Cái).

Chúc gia đình làm nghề nông

Cái kè: *Nhớ xưa Nghiêu Thuấn, người ở non Lịch Sơn*

*Voi thấy có nhọn, xuống cày giúp ruộng
Chim liền bay xuống, cắn cỏ mà tha
Thiên hạ đồn xa, vua Nghiêu đem lại
Mấy đám gò khai phá, dòng lưu thủy lấp bồi
Có đôi trâu ở núi Đông Lô
Trời sai xuống giúp dân làm ruộng
Thần Nông rộng lượng, dạy dân đóng cày bừa
Phút mây chừ nhiều gió thuận mưa
Vua khuyên bảo dạy dân làm ruộng*

Con xô:

<i>Làm ruộng làm ruộng</i>	<i>Chỗ sâu ta bừa</i>
<i>Cày lên trở xuống</i>	<i>Chỗ gò ta dựng</i>
<i>Cuốc góc đắp bờ</i>	<i>Mấy chỗ khô cứng</i>
<i>Trang trái cho mềm</i>	<i>Gié thẳng mà dài</i>
<i>Kêu các chị em</i>	<i>Có gái có trai</i>
<i>Nhỏ mạ cùng cấy</i>	<i>Trâu xe kéo chở</i>
<i>Không cấy lúa bén</i>	<i>Trong nhà rục rờ</i>
<i>Cùng là nhe đen</i>	<i>Lúa chắt nghênh ngang</i>
<i>Ai ai cũng khen</i>	<i>Đỗ hết kho tàng</i>

*Ruộng này đã tốt Dư ăn, dư để...
Bông dài đuôn đuột*

Chúc gia đình làm nghề nông

Cái kê: *Nhớ xưa Vương Mâu, mơ thấy nhện giăng*

Dạy dân làm ăn, lưới săn lưới cá

Sắm thuyền cũng già, nò, rọ, đó, đăng

Mặc sức biển sông, giàu lòng bủa kéo

Hôm mai gió diu, cá chở đầy thuyền

Ông bà cho ăn, biển sông giúp vận...

Con xô: *Đẩy lưới đẩy lưới Ông cào đồ đống*

Lưới quét lưới quanh Cá đựng đầy nhà

Lưới mảnh lưới lội Ông mới chia ra

Cá bè cá đối Mỗi phần chực gánh

Cá trích cá môn Rồi ông sẽ tính

Cá nục cá com Ra biển là ăn...

Cá thu cá giống

Chúc gia đình thợ mộc

Cái kê: *Xưa có ông Lỗ Ban tài trí khôn ngoan*

Chạm con diều gỗ, đã bay lại đố

Cho cha cười chơi, cười qua nước người

Học nghề thợ mộc

Con xô: *Thợ mộc thợ mộc Ông thợ khôn ngoan*

Đẽo, bào ky cúc Ai ai cũng muốn

Chạm trở tới ngày Lệnh trên phán xuống

Khéo léo chân tay Thương thợ bàn tay vàng

Đường vân chỉ đậm Phú quý giàu sang

Léo giường lèo ghé Gia đình hưởng lộc...

Chỉ niêng ngoài trong

Biết chủ nhà làm nghề nuôi tằm, dệt lụa, người cầm lái cắt
giọng chúc:

Sắc bùa là sắc bùa sang

*Chúc sang năm mới tằm tang được mùa
Được tằm được kén được tơ
Được luôn chàng rể thi thơ hơn người
(Con xô bài này lặp lại hai lần)*

Bà con cười vui, chủ nhà thích chí mang ra mấy đòan bánh tét và nào là bánh khô, bánh nỏ, bánh thuẫn, bánh mè. Trên mâm, một nong đầu heo và một số tiền thưởng. Gia đình và bà con có mặt cùng đứng lên chào mừng các đòan sắc bùa năm mới vui vẻ, hát hay, múa giỏi, hẹn Tết sang năm lại về với bà con. Người cầm cái đứng lên nhận quà năm mới. Ông xướng: *Bớ hò con!* (Dạ to)

Cái: *Cử nhạc lên!* – Nhạc: *Dạ* (và tấu lên bài nhạc vui)

Cái: *Sắc bùa là sắc bùa thương*

Chúc qua năm mới bình yên mọi nhà

Con xô: *Chúc qua năm mới bình yên mọi nhà (3 lần)*⁵

Chương trình văn nghệ chúc mừng năm mới còn nhiều như: múa kiếm, côn, múa đèn, múa trống, sinh tiền. Hát Lý vọng phu, Lý nước đứng, Lý ba con ngựa về dinh Ông... rất phong phú. Nhưng để đảm bảo cho đòan sắc bùa còn phải tiếp tục đến các gia đình khác nữa nên bà con lại chạy theo, các em cũng bám theo chân đòan để xem cho đã. Bất kỳ giàu hay nghèo, có mời hay không mời, đòan sắc bùa đều đến hết mọi nhà để chúc một vài lời, múa hát một vài bài, đem lại lời vui, một niềm tin cho gia chủ một năm mới đầy hy vọng, làm ăn phát đạt hơn. Cứ như thế, hết nhà này đến nhà khác, hòa trong tiếng trống, tiếng pháo, tiếng mõ, tiếng hô bài chòi và các trò chơi trong ngày Tết Nguyên đán ở làng quê xưa rất đậm đà, vui tươi và đầy ý nghĩa. Tình làng nghĩa xóm, ghi đậm một sinh hoạt vui chơi đầy tình bác ái, cộng đồng, một nét đẹp của văn hóa dân tộc trong dân gian ngày xưa.

⁵ Có tham khảo *Hát sắc bùa xứ Quảng* của giáo sư Lê trí Viễn.



Quả chanh